



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
QUÝ II NĂM 2023**

Đà Nẵng, tháng 07 năm 2023

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>SỐ CUỐI KỲ (30/06/2023)</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023)</b>
1	2	3	4	5
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.503.443.097.231</b>	<b>1.511.336.312.147</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>18.161.476.560</b>	<b>8.786.175.645</b>
1 . Tiền	111		18.161.476.560	8.786.175.645
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	<b>228.740.964.000</b>	<b>139.255.000.000</b>
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		228.740.964.000	139.255.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>411.537.861.199</b>	<b>437.052.433.464</b>
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	398.621.176.346	424.020.470.624
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.459.735.646	13.220.799.907
3 . Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	2.342.860.000	2.751.260.000
4 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	6.947.833.243	3.910.030.184
5 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4.833.744.036)	(6.850.127.251)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>750.468.203.907</b>	<b>886.143.761.390</b>
1 . Hàng tồn kho	141	V.5	763.702.636.787	925.306.121.709
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(13.234.432.880)	(39.162.360.319)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>94.534.591.565</b>	<b>40.098.941.648</b>
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	7.109.621.802	7.633.797.428
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11	87.420.704.059	32.460.878.516
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	4.265.704	4.265.704

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>SỐ CUỐI KỲ (30/06/2023)</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023)</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>656.420.512.160</b>	<b>678.322.297.194</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.736.420.545</b>	<b>10.651.446.545</b>
1 . Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	5.857.150.000	7.614.280.000
2 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4	2.879.270.545	3.037.166.545
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>506.290.078.595</b>	<b>512.476.990.033</b>
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	504.152.689.760	509.951.295.545
- Nguyên giá	222		1.654.907.943.476	1.623.214.213.107
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.150.755.253.716)	(1.113.262.917.562)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.7	2.137.388.835	2.525.694.488
- Nguyên giá	228		11.676.989.026	11.676.989.026
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(9.539.600.191)	(9.151.294.538)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>812.800.000</b>	<b>13.816.482.196</b>
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	812.800.000	13.816.482.196
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>101.386.969.596</b>	<b>100.690.398.859</b>
1 . Đầu tư vào công ty con	251		92.748.900.000	92.748.900.000
2 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.428.000.000	10.428.000.000
3 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
4 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(9.545.632.404)	(10.242.203.141)
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>39.194.243.424</b>	<b>40.686.979.561</b>
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	36.729.562.449	33.959.332.420
2 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.464.680.975	6.727.647.141
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 270 = 100 + 200 )</b>	<b>270</b>		<b>2.159.863.609.391</b>	<b>2.189.658.609.341</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

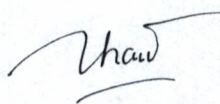
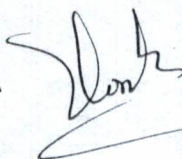
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (30/06/2023)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023)
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.405.518.596.396</b>	<b>1.381.159.621.572</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.192.768.708.337</b>	<b>1.159.019.568.689</b>
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	186.254.544.162	241.848.782.362
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.388.765.915	12.756.263.023
3 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.11	37.720.682.850	33.136.697.089
4 . Phải trả người lao động	314		262.970.431.389	292.945.253.366
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	6.747.333.207	4.776.210.165
6 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		671.891.627	-
7 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	25.471.009.702	23.257.867.214
8 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	577.561.892.389	483.155.694.128
9 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	78.982.157.096	67.142.801.342
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>212.749.888.059</b>	<b>222.140.052.883</b>
1 . Người mua trả tiền trước dài hạn	332		3.512.912.296	4.882.461.916
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	209.236.975.763	217.257.590.967
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>754.345.012.995</b>	<b>808.498.987.769</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>754.345.012.995</b>	<b>808.498.987.769</b>
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	360.027.080.000	300.030.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.027.080.000	300.030.750.000
2 . Quỹ đầu tư phát triển	418		198.625.892.531	172.150.529.403
3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		195.692.040.464	336.317.708.366
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		110.093.276.676	75.083.456.676
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		85.598.763.788	261.234.251.690
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.159.863.609.391</b>	<b>2.189.658.609.341</b>

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 07 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Văn Hải

Phạm Anh Thảo

Nguyễn Thị Tường Long

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023**

**Mẫu B 02a – DN**

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	962.602.652.664	1.135.560.990.346	2.166.449.625.135	2.363.440.873.127
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		164.058.003	49.309.035	2.145.222.315	110.489.859
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		962.438.594.661	1.135.511.681.311	2.164.304.402.820	2.363.330.383.268
4. Giá vốn hàng bán	11		882.316.088.256	1.011.698.651.278	1.985.150.408.025	2.120.354.605.516
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		80.122.506.405	123.813.030.033	179.153.994.795	242.975.777.752
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	24.101.862.744	21.550.388.755	40.157.683.558	35.508.790.398
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	13.852.256.044	11.502.765.033	25.938.408.831	19.659.387.851
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.929.753.958	3.791.543.943	15.235.530.299	6.988.144.664
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	13.921.215.167	28.364.864.923	30.420.213.984	51.776.336.696
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	29.873.953.211	32.074.534.841	60.347.440.360	63.835.957.319
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		46.576.944.727	73.421.253.991	102.605.615.178	143.212.886.284
11. Thu nhập khác	31	VI.6	4.548.920.258	2.505.525.289	5.518.343.801	3.855.466.094
12. Chi phí khác	32	VI.7	222.854.059	78.231.251	4.826.226.750	696.574.772
13. Lợi nhuận khác 40 = (31 - 32 + 33)	40		4.326.066.199	2.427.294.038	692.117.051	3.158.891.322
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		50.903.010.926	75.848.548.029	103.297.732.229	146.371.777.606
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		9.025.187.471	13.602.158.990	13.436.002.275	26.773.133.434
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(66.716.245)	-	4.262.966.166	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		41.944.539.700	62.246.389.039	85.598.763.788	119.598.644.172

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Tường Long

Dà Nẵng, ngày 19 tháng 07 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Kỳ tài chính từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>103.297.732.229</b>	<b>146.371.777.606</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		51.271.066.687	51.798.597.158
- Các khoản dự phòng	03		(28.640.881.391)	6.319.347
- Lỗ/ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.501.592.862	6.981.643.582
- Lỗ/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(12.035.545.116)	(11.653.509.177)
- Chi phí lãi vay	06		15.235.530.299	6.988.144.664
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b> <b>( 08 = 01 + 02 + 03 + 04 + 05 + 06 + 07 )</b>	<b>08</b>		<b>132.629.495.570</b>	<b>200.492.973.180</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(23.589.898.817)	(20.417.345.200)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		161.603.484.922	(33.536.723.438)
- Tăng, giảm các khoản phải trả( không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(36.602.003.701)	16.852.802.165
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.246.054.403)	(4.304.408.569)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.219.902.404)	(7.114.607.955)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(30.290.427.702)	(21.998.411.012)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		21.639.419	56.290.577
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.922.722.227)	(9.191.982.506)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>178.383.610.657</b>	<b>120.838.587.242</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

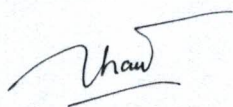
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Kỳ tài chính từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(54.489.221.421)	(61.695.350.421)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		288.830.593	4.135.552.693
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(139.740.964.000)	(140.066.440.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		52.420.530.000	35.480.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27		9.143.497.398	9.696.681.983
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(132.377.327.430)</b>	<b>(152.449.555.745)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.714.064.164.444	1.845.604.316.628
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.632.569.826.756)	(1.812.313.152.181)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(118.125.320.000)	(23.543.025.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(36.630.982.312)</b>	<b>9.748.139.447</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>9.375.300.915</b>	<b>(21.862.829.056)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>8.786.175.645</b>	<b>36.498.496.869</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.01</b>	<b>18.161.476.560</b>	<b>14.635.667.813</b>

*Đà Nẵng, ngày 19 tháng 07 năm 2023*

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**





*Phạm Anh Thảo*

*Nguyễn Thị Tường Long*

*Nguyễn Văn Hải*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**I. Đặc điểm hoạt động:**

**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“ Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ 61,87% vốn.

**2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sợi, may mặc

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.
- Sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí.
- Cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống áp lực các loại.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp:**

Số liệu báo cáo tài chính riêng được trình bày trên đây đã được tổng hợp số liệu của các đơn vị trực thuộc toàn Tổng công ty, bao gồm:

- Nhà máy may Hòa Thọ 1
- Nhà máy may Hòa Thọ Veston
- Công ty may Hòa Thọ Điện Bàn
- Công ty may Hòa Thọ Đông Hà
- Nhà máy may Hòa Thọ Quảng Ngãi
- Nhà máy may Hòa Thọ Triệu Phong
- Nhà máy may Quế Sơn
- Trung tâm Kinh doanh Thời trang Hòa Thọ
- Trung Tâm Thương Mại Hòa Thọ.
- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 1
- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 2
- Văn Phòng Tổng công ty



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

**1. Kỳ kế toán năm:**

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2. Đơn vị tiền tệ kế toán:**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VNĐ”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:**

**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Tổng công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam:**

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**IV. Các Chính sách kế toán áp dụng:**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày đầu tư, được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính chi cho việc tiêu thụ chúng. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**5. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định:**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định, và phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	10 – 25 năm.
- Máy móc và thiết bị:	5 – 15 năm.
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	5 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 – 5 năm.
- Tài sản khác:	2 – 5 năm.
- Phần mềm máy tính:	3 – 5 năm.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn:**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải người bán và các khoản phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính:**

\* Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có các yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi lại các khoản thu, chi có liên quan hoặc hàng hóa có thể bị trả lại.

\* Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

\* Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ khi giao dịch đó.

**9. Chính sách thuế và các lệ phí nộp ngân sách Nhà nước mà Tổng Công ty đang thực hiện:**

- Thuế giá trị gia tăng, áp dụng mức:
  - Thuế suất 0%: áp dụng cho gia công hàng may mặc xuất khẩu, sợi xuất khẩu
  - Thuế suất 5%: áp dụng cho việc bán bông phế.
  - Thuế suất 10%: áp dụng cho việc bán phế liệu ngành may, xơ phế; các loại sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
  - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất hiện hành 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán:**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền:**

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Tiền mặt tại quỹ	66.691.000	83.888.000
_VND	66.691.000	83.888.000
Tiền gửi ngân hàng	18.094.785.560	8.702.287.645
_VND	5.495.545.312	7.373.841.707
_USD	12.599.240.248	1.328.445.938
<b>Cộng</b>	<b><u>18.161.476.560</u></b>	<b><u>8.786.175.645</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính:**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

	<u>30/06/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
- <i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn	228.740.964.000	228.740.964.000	139.255.000.000	139.255.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>228.740.964.000</u></b>	<b><u>228.740.964.000</u></b>	<b><u>139.255.000.000</u></b>	<b><u>139.255.000.000</u></b>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	30/06/2023			01/01/2023		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
<b>* Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty CP Thời trang – Hòa thọ	596.818	2.667.900.000	-	442.088	2.667.900.000	-
Công ty CP May Hòa Thọ Hội An	541.800	5.418.000.000	-	541.800	5.418.000.000	-
Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên	817.300	8.173.000.000	-	817.300	8.173.000.000	-
Công ty CP Sợi Hòa Thọ Thăng Bình	7.449.000	74.490.000.000	-	7.449.000	74.490.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ	-	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>92.748.900.000</b>	<b>-</b>		<b>92.748.900.000</b>	<b>-</b>
<b>* Đầu tư vào công ty Liên doanh, liên kết</b>						
Công ty CP May Hòa Thọ Phú Ninh	400.000	4.000.000.000	(2.739.953.753)	400.000	4.000.000.000	(3.436.524.490)
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	642.800	6.428.000.000	-	642.800	6.428.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>10.428.000.000</b>	<b>(2.739.953.753)</b>		<b>10.428.000.000</b>	<b>(3.436.524.490)</b>
<b>* Đầu tư vào đơn vị khác</b>						
Công ty cổ phần Bông Miền Trung	65.000	855.702.000	(505.678.651)	65.000	855.702.000	(505.678.651)
Công ty CP bao bì Hòa thọ Quảng Đà	60.000	600.000.000	-	60.000	600.000.000	-
Công ty CP Thương mại Dệt may TP HCM	630.000	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	6.300.000.000	(6.300.000.000)
<b>Cộng</b>		<b>7.755.702.000</b>	<b>(6.805.678.651)</b>		<b>7.755.702.000</b>	<b>(6.805.678.651)</b>

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**c) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
<b>Công ty CP Thời Trang Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	7.319.990.789	1.939.643.555
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.045.559.410	341.970.414
<b>Công ty CP May Hòa Thọ Hội An</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	955.907.170	583.897.307
Mua hàng hóa và dịch vụ	30.457.786.442	27.471.790.198
<b>Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	412.835.780	148.737.480
Mua hàng hóa và dịch vụ	27.825.725.794	29.358.538.743
<b>Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	108.540.704	7.381.471
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.743.495.274	1.748.434.719
<b>Công ty CP Sợi Hòa Thọ Thăng Bình</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	18.696.726.223	22.778.293.328
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	3.020.567.760
<b>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.075.751.455	1.194.684.759
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.249.426.911	10.155.490.644
<b>Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	195.605.997	282.518.169
Mua hàng hóa và dịch vụ	42.816.160.711	48.819.297.093
<b>Cty CP may Hòa Thọ Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	890.649.263	578.023.242
Mua hàng hóa và dịch vụ	47.459.890.566	45.639.919.086

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:**

**a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn :**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
<i>MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LIMITED</i>	139.003.293.271	139.903.797.596
<i>HAGGAR CLOTHING CO.</i>	98.146.028.337	91.560.398.308
<i>DESTINATION XL GROUP INC</i>	39.591.255.303	33.862.218.381
<i>Các khách hàng khác</i>	121.880.599.435	158.694.056.339
<b>Tổng cộng</b>	<b>398.621.176.346</b>	<b>424.020.470.624</b>

**b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	231.798.040	159.181.030
<i>Công ty CP Thời Trang Hòa Thọ</i>	6.836.981.580	967.686.893
<i>Công ty Cp Sợi Hòa Thọ Thăng Bình</i>	5.884.700	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.074.664.320</b>	<b>1.126.867.923</b>

**4. Các khoản phải thu:**

**a, Phải thu ngắn hạn khác:**

	<u>30/06/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CBCNV tạm ứng	616.135.872		1.001.992.550	
Ký cược, ký quỹ	272.043.000		104.481.000	
Phải thu khác	6.059.654.371		2.803.556.634	
<b>Cộng</b>	<b>6.947.833.243</b>	-	<b>3.910.030.184</b>	-

**b, Phải thu dài hạn khác:**

	<u>30/06/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Kí quỹ bảo đảm đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Nhà Máy May Triệu Phong"	2.450.000.000	-	2.450.000.000	-
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	429.270.545	-	587.166.545	-
<b>Cộng</b>	<b>2.879.270.545</b>	-	<b>3.037.166.545</b>	-

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**c, Phải thu về cho vay ngắn hạn:**

	<b>30/06/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	2.342.860.000	-	2.342.860.000	-
- Các bên khác	-	-	408.400.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.342.860.000</b>	<b>-</b>	<b>2.751.260.000</b>	<b>-</b>

**d, Phải thu về cho vay dài hạn:**

	<b>30/06/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	5.857.150.000	-	7.028.580.000	-
- Các bên khác	-	-	585.700.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.857.150.000</b>	<b>-</b>	<b>7.614.280.000</b>	<b>-</b>

**5. Hàng tồn kho:**

	<b>30/06/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Hàng mua đang đi đường	87.449.287.672	(6.511.190.105)	52.541.559.276	(3.003.582.802)
Nguyên vật liệu	178.092.165.276	(4.787.660.058)	268.221.295.749	(27.329.065.941)
Công cụ dụng cụ	3.134.032.514	-	503.052.362	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	403.719.706.022	(1.024.554.712)	409.137.240.148	(3.305.586.963)
Thành phẩm	18.521.775.860	(910.332.337)	30.869.501.745	(5.515.052.190)
Hàng hóa	3.749.258.960	(695.668)	4.996.418.735	(9.072.423)
Hàng gửi đi bán	69.036.410.483	-	159.037.053.694	-
<b>Cộng</b>	<b>763.702.636.787</b>	<b>(13.234.432.880)</b>	<b>925.306.121.709</b>	<b>(39.162.360.319)</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Tài sản cố định hữu hình:**

Chỉ tiêu	Nhóm	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>								
Số dư tại ngày 01/01/2023		397.526.170.195	1.034.001.268.465	82.131.066.923	8.435.544.924	706.128.363	100.414.034.237	1.623.214.213.107
Số Tăng trong kỳ		(1.178.913.355)	44.666.626.017	1.096.231.860	120.950.000	-	379.260.727	45.084.155.249
- Mua sắm mới		794.849.608	4.425.441.560	1.078.922.043	120.950.000	-	379.260.727	6.799.423.938
- Đầu tư XD/CB hoàn thành		64.932.744	38.202.488.750	17.309.817	-	-	-	38.284.731.311
- Phân loại lại tài sản		(2.038.695.707)	2.038.695.707					-
Số Giảm trong kỳ		-	11.545.105.904	1.006.443.783	-	-	838.875.193	13.390.424.880
- Thanh lý, nhượng bán		-	11.545.105.904	1.006.443.783	-	-	838.875.193	13.390.424.880
Số dư tại ngày 30/06/2023		396.347.256.840	1.067.122.788.578	82.220.855.000	8.556.494.924	706.128.363	99.954.419.771	1.654.907.943.476
<b>Giá trị đã hao mòn</b>								
Số dư tại ngày 01/01/2023		171.384.941.664	805.128.895.786	44.318.069.719	6.733.159.067	259.850.159	85.438.001.167	1.113.262.917.562
Số khấu hao tăng trong kỳ		8.379.252.130	35.029.765.031	4.073.006.622	322.079.472	50.444.667	3.028.213.112	50.882.761.034
- Tăng do khấu hao trong kỳ		10.417.947.837	32.991.069.324	4.073.006.622	322.079.472	50.444.667	3.028.213.112	50.882.761.034
- Phân loại lại tài sản		(2.038.695.707)	2.038.695.707					-
Số khấu hao giảm trong kỳ		-	11.545.105.904	1.006.443.783	-	-	838.875.193	13.390.424.880
- Thanh lý, nhượng bán		-	11.545.105.904	1.006.443.783	-	-	838.875.193	13.390.424.880
Số dư tại ngày 30/06/2023		179.764.193.794	828.613.554.913	47.384.632.558	7.055.238.539	310.294.826	87.627.339.086	1.150.755.253.716
<b>Giá trị còn lại</b>								
Số dư tại ngày 01/01/2023		226.141.228.531	228.872.372.679	37.812.997.204	1.702.385.857	446.278.204	14.976.033.070	509.951.295.545
Số dư tại ngày 30/06/2023		216.583.063.046	238.509.233.665	34.836.222.442	1.501.256.385	395.833.537	12.327.080.685	504.152.689.760

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 799.813 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Tài sản cố định vô hình:**

	<b>Phần mềm</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư tại ngày 01/01/2023	11.676.989.026
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	-
<b>Số dư tại ngày 30/06/2023</b>	<b>11.676.989.026</b>
<b>Khấu hao</b>	
Số dư tại ngày 01/01/2023	9.151.294.538
Tăng trong kỳ	388.305.653
Giảm trong kỳ	-
<b>Số dư tại ngày 30/06/2023</b>	<b>9.539.600.191</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.525.694.488
<b>Số dư tại ngày 30/06/2023</b>	<b>2.137.388.835</b>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 7.402 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
+ Đầu tư thiết bị nhà máy sợi	-	13.367.742.196
+ Đầu tư thiết bị CNTT	724.300.000	-
+ Các công trình khác	88.500.000	448.740.000
<b>Cộng</b>	<b>812.800.000</b>	<b>13.816.482.196</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Chi phí trả trước:**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	7.109.621.802	7.633.797.428
<b>b. Dài hạn:</b>		
Chi phí trả trước dài hạn là công cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ	36.729.562.449	33.959.332.420
<b>Cộng</b>	<u><b>43.839.184.251</b></u>	<u><b>41.593.129.848</b></u>

**10. Phải trả người bán ngắn hạn:**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
<i>HULTAFORS GROUP AB</i>	15.065.463.375	41.205.311.087
<i>KWONG LUNG ENTERPRISE CO.,LTD</i>	5.041.906.263	12.736.138.715
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	166.147.174.524	187.907.332.560
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>186.254.544.162</b></u>	<u><b>241.848.782.362</b></u>

**\* Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
- Tập Đoàn Dệt May Việt Nam	5.322.992.963	5.023.685.489
- Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	9.107.494.155	18.462.790.590
- Công ty CP May Hòa Thọ Hội An	8.038.954.536	4.153.784.843
- Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên	2.694.543.693	3.465.355.989
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ	547.318.842	607.009.382
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>25.711.304.189</b></u>	<u><b>31.712.626.293</b></u>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước:**

**a, Thuế và các khoản phải thu nhà nước:**

	01/01/2023	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	30/06/2023
Các loại thuế khác	4.265.704	-	-	-	-	4.265.704
<b>Cộng</b>	<b>4.265.704</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.265.704</b>

**b, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:**

	01/01/2023	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải thu	khác	30/06/2023
Thuế GTGT hàng nội địa	2.800.507.515	49.434.977.734	(12.547.173.354)	(19.425.300.859)	-	20.263.011.036
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	7.752.188.591	(7.752.188.591)	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	56.980.038	2.217.590.632	(2.273.379.197)	-	-	1.191.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.548.865.542	13.436.002.275	(30.290.427.702)	-	-	12.694.440.115
Thuế thu nhập cá nhân	730.343.994	7.068.091.882	(5.463.760.594)	-	-	2.334.675.282
Các loại thuế khác	-	2.661.155.648	(233.790.704)	-	-	2.427.364.944
<b>Cộng</b>	<b>33.136.697.089</b>	<b>82.570.006.762</b>	<b>(58.560.720.142)</b>	<b>(19.425.300.859)</b>	<b>-</b>	<b>37.720.682.850</b>

**c, Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ:**

	01/01/2023	Số phát sinh	Số đã được hoàn	Bù trừ với thuế GTGT phải trả	Khác	30/06/2023
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	32.460.878.516	99.482.800.825	(25.094.525.725)	(19.425.300.859)	(3.148.698)	87.420.704.059

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn:**

	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Chi phí trích trước DDP, giám sát, thuê , in, bao bì (VP)	899.938.535	1.922.413.784
Chi phí lãi vay	289.429.592	273.801.697
Trích trước chi phí hoa hồng, VC, THC, bảo hiểm (NMS)	2.650.275.833	1.816.188.273
Trích trước chi phí tiền điện, nước, thùng, chi, thực phẩm, hoa hồng (đơn vị may)	2.907.689.247	753.306.411
Các chi phí khác	-	10.500.000
<b>Cộng</b>	<b>6.747.333.207</b>	<b>4.776.210.165</b>

**13. Phải trả ngắn hạn khác:**

	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
Kinh phí công đoàn	16.676.168.357	15.063.335.443
Lãi cổ tức phải trả	1.506.242.600	1.034.694.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.288.598.745	7.159.837.171
<b>Cộng</b>	<b>25.471.009.702</b>	<b>23.257.867.214</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Vay và nợ thuê tài chính:**

**a, Vay ngắn hạn:**

	30/06/2023	Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng 1	52.600.739.050	68.864.235.570	16.263.496.520	-
+ Ngân hàng 2	49.193.694.200	212.151.026.504	221.574.229.024	58.616.896.720
+ Ngân hàng 3	59.395.545.413	170.421.338.092	111.025.792.679	-
+ Ngân hàng 4	-	-	44.392.085.507	44.392.085.507
+ Ngân hàng 5	316.579.787.425	1.165.757.675.739	1.164.360.243.442	315.182.355.128
+ Ngân hàng 6	82.972.330.963	102.996.389.171	68.399.343.901	48.375.285.693
+ Ban liên lạc hưu trí	270.000.000	-	30.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>561.012.097.051</b>	<b>1.720.190.665.076</b>	<b>1.626.045.191.073</b>	<b>466.866.623.048</b>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b, Vay dài hạn:

	30/06/2023	Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	202.066.975.763	978.738.879	3.379.354.083	204.467.590.967
+ Ngân hàng 1	5.000.000.000	-	5.000.000.000	10.000.000.000
+ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	2.170.000.000	-	620.000.000	2.790.000.000
<b>Cộng</b>	<b>209.236.975.763</b>	<b>978.738.879</b>	<b>8.999.354.083</b>	<b>217.257.590.967</b>

c, Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng:

	30/06/2023	Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Các khoản vay dài hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng	16.549.795.338	8.360.081.549	8.099.357.291	16.289.071.080
<b>Cộng</b>	<b>16.549.795.338</b>	<b>8.360.081.549</b>	<b>8.099.357.291</b>	<b>16.289.071.080</b>

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, khoản phải thu, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Tổng công ty

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Vốn chủ sở hữu:**

**a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	<b>236.250.000.000</b>	<b>137.428.205.782</b>	<b>207.065.692.866</b>	<b>580.743.898.648</b>
- Tăng vốn trong năm	63.780.750.000	-	(63.780.750.000)	-
- Lãi trong năm	-	-	261.234.251.690	<b>261.234.251.690</b>
- Phân bổ vào các quỹ	-	34.722.323.621	(34.722.323.621)	-
- Cổ tức	-	-	(23.625.000.000)	<b>(23.625.000.000)</b>
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(9.854.162.569)	<b>(9.854.162.569)</b>
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>300.030.750.000</b>	<b>172.150.529.403</b>	<b>336.317.708.366</b>	<b>808.498.987.769</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>	<b>300.030.750.000</b>	<b>172.150.529.403</b>	<b>336.317.708.366</b>	<b>808.498.987.769</b>
- Tăng vốn trong năm	59.996.330.000	-	(59.996.330.000)	-
- Lãi trong năm	-	-	85.598.763.788	<b>85.598.763.788</b>
- Phân bổ vào các quỹ	-	26.475.363.128	(26.475.363.128)	-
- Cổ tức	-	-	(120.012.300.000)	<b>(120.012.300.000)</b>
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(19.740.438.562)	<b>(19.740.438.562)</b>
<b>Số dư tại ngày 30/06/2023</b>	<b>360.027.080.000</b>	<b>198.625.892.531</b>	<b>195.692.040.464</b>	<b>754.345.012.995</b>

**b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:**

	30/06/2023	01/01/2023
Vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	222.742.050.000	185.618.380.000
Vốn góp của các đối tượng khác	137.285.030.000	114.412.370.000
<b>Cộng</b>	<b>360.027.080.000</b>	<b>300.030.750.000</b>

**c, Cổ phiếu**

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.002.708	30.003.075
- Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	30.003.075
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.002.708	30.003.075
- Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	30.003.075
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Quỹ khen thưởng phúc lợi:**

	<b>Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>
Số dư tại ngày 01/01/2023	67.142.801.342
Trích lập trong năm từ lợi nhuận	19.740.438.562
Tăng khác	21.639.419
Giảm trong kỳ	7.922.722.227
Số dư tại ngày 30/06/2023	78.982.157.096

**17. Các yếu tố ngoài bảng cân đối kế toán:**

- **Ngoại tệ các loại:**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VNĐ	Nguyên tệ	Tương đương VNĐ
<b>USD</b>	537.996,00	12.599.240.248	56.756,75	1.328.445.938

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**a, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
+ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	2.163.533.327.703	2.360.953.244.663
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	2.916.297.432	2.487.628.464
<b>Cộng</b>	<b>2.166.449.625.135</b>	<b>2.363.440.873.127</b>

**b. Các khoản giảm trừ doanh thu:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Chiết khấu thương mại	1.821.604.478	-
Hàng bán bị trả lại	323.617.837	110.489.859
<b>Cộng</b>	<b>2.145.222.315</b>	<b>110.489.859</b>

**2. Giá vốn hàng bán:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ gia công hàng may mặc	2.009.193.371.814	2.119.286.048.280
Giá vốn dịch vụ khác	1.884.963.650	1.222.793.095
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(25.927.927.439)	(154.235.859)
<b>Cộng</b>	<b>1.985.150.408.025</b>	<b>2.120.354.605.516</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Doanh thu hoạt động tài chính:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ứng trước	5.818.876.523	2.079.681.983
Chiết khấu thanh toán	17.885.125	3.633.014
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.393.083.910	24.522.875.401
Lợi nhuận được chia	5.927.838.000	8.902.600.000
<b>Cộng</b>	<b>40.157.683.558</b>	<b>35.508.790.398</b>

**4. Chi phí tài chính:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Chi phí lãi tiền vay	15.235.530.299	6.988.144.664
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.897.856.407	5.705.341.399
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.501.592.862	6.981.643.582
Dự phòng/(Hoàn nhập) tổn thất đầu tư	(696.570.737)	(15.741.794)
<b>Cộng</b>	<b>25.938.408.831</b>	<b>19.659.387.851</b>

**5. Chi phí bán hàng:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Chi phí nhân viên	2.155.447.982	2.031.801.832
Chi phí vật liệu, bao bì	292.556.941	311.667.990
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	45.963.488	28.987.315
Chi phí khấu hao TSCĐ	474.171.118	490.255.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.613.675.167	41.875.977.295
Chi phí bằng tiền khác	6.838.399.288	7.037.647.016
<b>Cộng</b>	<b>30.420.213.984</b>	<b>51.776.336.696</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Chi phí nhân viên quản lý	31.862.006.531	29.684.988.810
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.367.628.484	1.185.546.143
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.235.429.022	4.759.818.214
Thuế, phí và lệ phí	3.337.786.972	6.494.746.973
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(2.016.383.215)	176.297.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.831.048.222	10.329.120.194
Chi phí bằng tiền khác	10.729.924.344	11.205.439.985
<b>Cộng</b>	<b>60.347.440.360</b>	<b>63.835.957.319</b>

**7. Thu nhập khác:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	288.830.593	671.227.194
Các khoản thu khác	5.229.513.208	3.184.238.900
<b>Cộng</b>	<b>5.518.343.801</b>	<b>3.855.466.094</b>

**8. Chi phí khác:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Các khoản chi khác	4.826.226.750	696.574.772
<b>Cộng</b>	<b>4.826.226.750</b>	<b>696.574.772</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.121.511.011.018	1.184.914.103.070
Chi phí nhân công	548.289.542.737	657.733.002.891
Chi phí khấu hao TSCĐ	51.271.066.687	51.798.597.158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	239.354.383.109	313.035.558.214
<b>Cộng</b>	<b>1.960.426.003.551</b>	<b>2.207.481.261.333</b>

*Đà Nẵng, ngày 19 tháng 07 năm 2023*

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

*Phạm Anh Thảo*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*Nguyễn Thị Tường Long*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Văn Hải*